

5. Số cán bộ, công chức, viên chức thuộc đối tượng giảm nếu giảm do sắp xếp tổ chức, khắc phục chồng chéo chức năng, nhiệm vụ thì chỉ tiêu biên chế sẽ giảm đi tương ứng; cho phép tuyển dụng những người đủ tiêu chuẩn vào thay thế số giảm do yếu sức khỏe, yếu kém về chuyên môn, nghiệp vụ để nâng cao chất lượng và bảo đảm số lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao.

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 16/2000/NQ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2000 của Chính phủ và báo cáo cấp ủy Đảng cùng cấp kết quả và kế hoạch tiếp tục thực hiện việc tinh giản biên chế theo quy định của Nghị quyết này.

2. Bộ trưởng Bộ Tài chính chịu trách nhiệm bố trí kế hoạch ngân sách nhà nước và chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ hướng dẫn thủ tục cấp phát, chi, trả, quyết toán kinh phí để thực hiện Nghị quyết này.

3. Bộ trưởng Bộ Nội vụ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị quyết này; phối hợp với Văn phòng Chính phủ theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết; định kỳ hàng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

4. Áp dụng chính sách tinh giản biên chế quy định tại Nghị quyết số 16/2000/NQ-CP và Nghị quyết này đối với các chức danh là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó tổng giám

đốc, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, thành viên Ban Kiểm soát trong diện phải sắp xếp do tổ chức lại doanh nghiệp nhà nước.

Nguồn kinh phí giải quyết chính sách đối với các chức danh nêu trên của doanh nghiệp nhà nước thực hiện theo quy định tại Nghị định số 41/2002/NĐ-CP ngày 11 tháng 4 năm 2002 của Chính phủ về chính sách đối với lao động dôi dư do sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo./.

TM. Chính phủ
Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

**QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ
số 152/2003/QĐ-TTg ngày 28/7/2003
về việc thành lập Trường Đại học
Cảnh sát nhân dân.**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 02 tháng 12 năm 1998;

Căn cứ Quyết định số 47/2001/QĐ-TTg ngày

04 tháng 4 năm 2001 phê duyệt quy hoạch mạng lưới trường đại học, cao đẳng giai đoạn 2001 - 2010;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Công văn số 3585/TCCB ngày 29 tháng 4 năm 2003,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Trường Đại học Cảnh sát nhân dân trên cơ sở Phân hiệu Học viện Cảnh sát nhân dân tại thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Trường Đại học Cảnh sát nhân dân trực thuộc Bộ Công an, chịu sự quản lý nhà nước về giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo; có con dấu riêng, tài khoản riêng.

Điều 3. Bộ trưởng Bộ Công an quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Cảnh sát nhân dân.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 5. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Giám đốc Học viện Cảnh sát nhân dân chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Thủ tướng Chính phủ

Phó Thủ tướng

PHẠM GIA KHIÊM

CÁC BỘ

LIÊN BỘ

Y TẾ - TÀI CHÍNH

THÔNG TƯ liên tịch số 08/2003/TTLT-BYT-BTC ngày 25/7/2003 hướng dẫn việc kê khai giá, niêm yết giá thuốc phòng bệnh, chữa bệnh cho người.

Căn cứ Pháp lệnh Giá ngày 26 tháng 4 năm 2002;

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ đối với việc quản lý giá thuốc phòng bệnh, chữa bệnh cho người tại Thông báo số 41/TB-VPCP ngày 28/3/2003 của Văn phòng Chính phủ;

Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng, liên tịch Bộ Y tế - Tài chính hướng dẫn việc kê khai giá, niêm yết giá thuốc phòng bệnh, chữa bệnh cho người như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

a) Thông tư liên tịch này hướng dẫn việc kê khai, niêm yết giá và quản lý nhà nước về kê khai, niêm yết giá thuốc phòng bệnh, chữa bệnh cho người (sau đây gọi là thuốc).

b) Thông tư liên tịch này được áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài (sau đây gọi là cơ sở) hoạt động sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh (bán buôn, bán lẻ) thuốc tại Việt Nam.